

HIỆP ĐỊNH TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ HUNG-GA-RI

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hung-ga-ri (sau đây gọi là “các Bên”);

Mong muốn duy trì và tăng cường quan hệ giữa hai nước;

Mong muốn hợp tác có hiệu quả hơn giữa hai nước trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc hình sự và thi hành hình phạt, đặc biệt là trong đấu tranh chống tội phạm có tổ chức và khủng bố;

Mong muốn tăng cường hợp tác tư pháp về hình sự giữa hai nước phù hợp với quy định và pháp luật của mỗi Bên;

Nhắc lại Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự, ký ngày 18 tháng 01 năm 1985, tại Hà Nội;

Lưu ý rằng hiện nay Việt Nam và Hung-ga-ri đều đang áp dụng các quy định của Hiệp định này;

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1. Phạm vi tương trợ

1. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này và pháp luật hiện hành của mỗi Bên, các Bên dành cho nhau sự tương trợ ở mức tối đa trong các vấn đề về hình sự.

2. Phạm vi tương trợ có thể bao gồm:

- a) tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự;
- b) triệu tập người làm chứng, người bị hại và người giám định;
- c) thu thập chứng cứ và lấy lời khai, có thể thông qua cầu truyền hình;
- d) chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự;
- e) chuyển giao tạm thời người đang chấp hành hình phạt tù để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ ở Bên yêu cầu;
- f) áp dụng các biện pháp nhằm truy tìm, khám xét, kê biên, phong tỏa, thu giữ hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội;
- g) trao đổi thông tin và tài liệu;
- h) các hình thức tương trợ khác phù hợp với mục đích của Hiệp định này và không trái với pháp luật trong nước của Bên được yêu cầu.

3. Hiệp định này không áp dụng đối với:

- a) dẫn độ, bắt hoặc giam giữ người để dẫn độ;
- b) thi hành bản án hình sự của Bên yêu cầu ở Bên được yêu cầu, trừ những trường hợp pháp luật trong nước của Bên được yêu cầu và Hiệp định này cho phép;
- c) chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù để tiếp tục thi hành án.

Điều 2. Cơ quan trung ương

1. Mỗi Bên chỉ định Cơ quan trung ương vì mục đích thi hành Hiệp định này.

2. Cơ quan dưới đây sẽ được coi là Cơ quan trung ương kể từ khi Hiệp định bắt đầu có hiệu lực:

- a) đối với nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
- b) đối với Hung-ga-ri là Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao.

3. Các Bên sẽ thông báo cho nhau khi có bất kỳ sự thay đổi nào về Cơ quan trung ương quy định tại khoản 2 Điều này thông qua kênh ngoại giao.

4. Vì mục đích của Hiệp định này, các Cơ quan trung ương liên hệ trực tiếp với nhau. Trong trường hợp cần thiết, các Bên có thể liên hệ thông qua kênh ngoại giao.

Điều 3. Nội dung và hình thức văn bản yêu cầu tương trợ

1. Văn bản yêu cầu tương trợ phải nêu rõ:

- a) tên, địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền lập yêu cầu;
- b) tên, địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền được yêu cầu;
- c) thông tin về nhận dạng và nơi cư trú của cá nhân, tên đầy đủ, địa chỉ hoặc văn phòng chính của cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến yêu cầu;

d) nội dung tương trợ, mục đích của yêu cầu, tóm tắt nội dung vụ án và các tình tiết liên quan, nêu pháp luật áp dụng của Bên yêu cầu, bao gồm cả các quy định về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và trích dẫn pháp luật hình sự quy định về trách nhiệm hình sự của tội phạm có liên quan đến yêu cầu tương trợ, tiến độ giải quyết vụ án và thời hạn mong muốn thực hiện yêu cầu.

e) đối với yêu cầu về thông tin ngân hàng, yêu cầu tương trợ phải nêu rõ thông tin ngân hàng được cung cấp theo yêu cầu chỉ được sử dụng vào mục đích tố tụng hình sự liên quan đến yêu cầu tương trợ;

f) đối với yêu cầu truy tìm, khám xét, kê biên, phong tỏa hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ phương tiện phạm tội, mô tả tài sản và địa điểm được yêu cầu khám xét, nhận dạng của người quản lý tài sản đó, các căn cứ tin rằng tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ phương tiện phạm tội có thể tìm thấy ở Bên được yêu cầu, và quyết định của cơ quan có thẩm quyền lập yêu cầu này.

2. Văn bản yêu cầu tương trợ cũng có thể bao gồm:

a) thông tin về nhận dạng và nơi cư trú của người làm chứng, người bị hại hoặc người giám định;

b) trường hợp là yêu cầu thu thập chứng cứ, mô tả thông tin, chứng cứ, tài liệu hoặc đồ vật cần thu thập và, nếu cần thiết, mô tả và đặc điểm nhận dạng của người được yêu cầu cung cấp thông tin, chứng cứ, tài liệu hoặc đồ vật đó;

c) nội dung công việc, câu hỏi, yêu cầu đối với người làm chứng, người bị hại hoặc người giám định được triệu tập;

d) biện pháp cần áp dụng đối với yêu cầu tương trợ có thể dẫn đến việc phát hiện hoặc thu giữ tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội;

e) yêu cầu hoặc thủ tục của Bên yêu cầu để bảo đảm thực hiện có hiệu quả yêu cầu tương trợ, cách thức hoặc hình thức cung cấp thông tin, chứng cứ, tài liệu, đồ vật;

f) mức độ bảo mật và lý do kèm theo;

g) mục đích, dự định thời gian và lịch trình chuyến đi trong trường hợp người có thẩm quyền của Bên yêu cầu cần phải đến lãnh thổ của Bên được yêu cầu vì mục đích tham dự việc thực hiện tương trợ;

h) bản án, quyết định hình sự của tòa án và thông tin, chứng cứ, tài liệu hoặc đồ vật khác cần thiết cho việc thực hiện yêu cầu tương trợ.

3. Nếu Bên được yêu cầu xét thấy thông tin trong văn bản yêu cầu không đủ để thực hiện yêu cầu tương trợ theo Hiệp định này, thì đề nghị bổ sung thông tin bằng văn bản và ấn định thời hạn cụ thể trả lời kết quả bổ sung.

4. Yêu cầu tương trợ phải được lập thành văn bản. Trong trường hợp khẩn cấp và Bên được yêu cầu đồng ý, các Bên có thể liên hệ với nhau bằng fax hoặc thư điện tử trước khi gửi các văn bản gốc.

5. Yêu cầu tương trợ và tài liệu kèm theo được lập bằng ngôn ngữ của Bên yêu cầu kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ của Bên được yêu cầu hoặc tiếng Anh.

Điều 4. Từ chối hoặc hoãn thực hiện tương trợ

1. Việc tương trợ theo Hiệp định này sẽ bị từ chối nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) yêu cầu không phù hợp với điều ước quốc tế mà Bên được yêu cầu là thành viên, hoặc không phù hợp với pháp luật của Bên được yêu cầu;

b) yêu cầu có thể gây phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia và các lợi ích quan trọng khác của Bên được yêu cầu;

c) yêu cầu liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự một người về hành vi phạm tội mà người đó đã bị kết án, được tuyên không có tội hoặc được đại xá, đặc xá tại Bên được yêu cầu;

d) yêu cầu liên quan đến hành vi phạm tội đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu;

e) yêu cầu liên quan đến hành vi không cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu;

f) các thủ tục tố tụng hình sự liên quan đến:

i. một tội phạm mà Bên được yêu cầu cho là có tính chất chính trị; hoặc

ii. một tội phạm quân sự thuần túy không phải là tội phạm theo pháp luật hình sự thông thường.

2. Tương trợ sẽ bị Bên được yêu cầu hoãn thực hiện nếu việc thực hiện yêu cầu tương trợ cản trở quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đang được tiến hành trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu.

3. Trước khi từ chối hoặc hoãn thực hiện yêu cầu tương trợ theo quy định của Điều này, Bên được yêu cầu phải:

a) thông báo ngay cho Bên yêu cầu về lý do từ chối hoặc hoãn; và

b) trao đổi với Bên yêu cầu để xác nhận khả năng thực hiện tương trợ với các điều kiện mà Bên được yêu cầu cho là cần thiết.

4. Nếu Bên yêu cầu chấp nhận việc tương trợ với những điều kiện quy định tại khoản 3.b) thì phải tuân thủ các điều kiện đó.

Điều 5. Thực hiện yêu cầu tương trợ

1. Bên được yêu cầu sẽ thực hiện các yêu cầu tương trợ theo quy định của pháp luật nước mình và, nếu không trái với quy định pháp luật của nước mình, theo trình tự, thủ tục do Bên yêu cầu đề nghị.

2. Nếu có đề nghị, Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu về thời gian và địa

điểm thực hiện yêu cầu tương trợ.

3. Bên được yêu cầu phải thông báo ngay cho Bên yêu cầu về các tình huống phát sinh có thể trì hoãn việc thực hiện yêu cầu tương trợ.

4. Bên được yêu cầu sẽ thông báo ngay cho Bên yêu cầu về kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ.

5. Tài liệu là kết quả thực hiện tương trợ phải được thể hiện bằng ngôn ngữ chính thức của Bên được yêu cầu.

Điều 6. Tổng đạt giấy tờ

1. Trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu nhanh chóng thực hiện yêu cầu về tổng đạt giấy tờ do Bên yêu cầu gửi đến.

2. Trường hợp yêu cầu tổng đạt giấy triệu tập người làm chứng, người bị hại hoặc người giám định, Bên yêu cầu phải gửi giấy triệu tập cho Bên được yêu cầu trong thời hạn chín mươi (90) ngày trước ngày dự định người đó có mặt tại Bên yêu cầu. Trong trường hợp khẩn cấp, Bên được yêu cầu có thể không áp dụng thời hạn này.

3. Bên được yêu cầu phải chuyển cho Bên yêu cầu văn bản xác nhận đã tổng đạt giấy tờ. Nếu việc tổng đạt không thực hiện được, Bên yêu cầu phải được thông báo lý do.

Điều 7. Cung cấp thông tin và tài liệu

1. Bên được yêu cầu sẽ cung cấp thông tin và các bản sao tài liệu, hồ sơ thông qua tương trợ tư pháp về hình sự.

2. Bên được yêu cầu có thể cung cấp thông tin và bản sao của bất kỳ tài liệu, hồ sơ nào với cùng cách thức và điều kiện như đối với trường hợp cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền trong nước của mình.

3. Bên được yêu cầu có thể cung cấp bản sao của các tài liệu hoặc hồ sơ, trừ khi Bên yêu cầu đề nghị cung cấp bản sao có chứng thực các tài liệu, hồ sơ đó hoặc bản gốc.

Điều 8. Trả lại tài liệu cho Bên được yêu cầu

Theo đề nghị của Bên được yêu cầu, Bên yêu cầu phải trả lại tài liệu đã được cung cấp theo Hiệp định này khi những tài liệu đó không còn cần thiết vì mục đích tố tụng hình sự được nêu trong yêu cầu tương trợ.

Điều 9. Khám xét và thu giữ

Trong phạm vi pháp luật của mình, Bên được yêu cầu thực hiện việc khám người hoặc khám xét địa điểm nhằm tìm kiếm và thu giữ giấy tờ, tài liệu hoặc đồ vật là chứng cứ cần thiết cho một vụ án hình sự mà Bên yêu cầu đang tiến hành. Trong trường hợp này, quyền và lợi ích hợp pháp của bên thứ ba được tôn trọng và bảo vệ.

Điều 10. Thu thập chứng cứ và lấy lời khai

1. Trong phạm vi pháp luật của mình và nếu có yêu cầu, Bên được yêu cầu lấy lời khai hoặc bản tường trình của những người liên quan hoặc yêu cầu họ cung cấp chứng cứ để chuyển cho Bên yêu cầu.

2. Người được triệu tập để cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều này có thể từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp sau:

a) pháp luật của Bên được yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương tự khi thủ tục tố tụng hình sự được tiến hành trên lãnh

thổ của Bên được yêu cầu; hoặc

b) pháp luật của Bên yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương tự khi thủ tục tố tụng hình sự được tiến hành trên lãnh thổ của Bên yêu cầu.

3. Nếu người trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu cho rằng pháp luật của Bên yêu cầu có quy định về quyền hoặc nghĩa vụ phải từ chối cung cấp chứng cứ, thì Bên yêu cầu, nếu được yêu cầu, phải cung cấp một văn bản xác nhận cho Bên được yêu cầu về quy định của quyền hoặc nghĩa vụ đó.

4. Theo Điều này, việc thu thập chứng cứ bao gồm cả việc thu thập tài liệu, hồ sơ hoặc các đồ vật khác liên quan đến việc thu thập chứng cứ.

Điều 11. Chuyển giao tạm thời người đang chấp hành hình phạt tù để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại Bên yêu cầu

1. Người đang chấp hành hình phạt tù trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu, theo đề nghị của Bên yêu cầu, có thể được chuyển giao tạm thời cho Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ trên lãnh thổ của Bên yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù cho Bên yêu cầu chỉ khi:

a) người đó tự nguyện đồng ý với việc chuyển giao để hỗ trợ điều tra hay cung cấp chứng cứ; và

b) Bên yêu cầu đồng ý tuân thủ các điều kiện cụ thể do Bên được yêu cầu đưa ra liên quan đến việc giam giữ và bảo đảm an toàn cho người được chuyển giao.

3. Khi Bên được yêu cầu thông báo cho Bên yêu cầu là không cần giam giữ người bị chuyển giao nữa, thì người đó sẽ được trả tự do và được đối xử như đối với người quy định tại Điều 12.

4. Người được chuyển giao theo quy định của Điều này sẽ được giam giữ trên lãnh thổ của Bên yêu cầu và được trao trả cho Bên được yêu cầu theo cách thức hai bên đã thoả thuận ngay sau khi hoàn thành công việc theo yêu cầu chuyển giao hoặc vào thời điểm sớm hơn nếu sự có mặt của người đó không còn cần thiết. Thời gian người đang chấp hành hình phạt tù bị chuyển giao, lưu lại ở Bên yêu cầu được tính vào thời hạn chấp hành hình phạt tù của người đó.

Điều 12. Yêu cầu người khác hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại Bên yêu cầu

1. Theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu có thể đưa một người không phải là người quy định tại Điều 11 đến lãnh thổ của Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại lãnh thổ của Bên yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu, nếu đồng ý với các biện pháp bảo đảm an toàn mà Bên yêu cầu cam kết áp dụng bằng văn bản, sẽ đề nghị người đó cung cấp chứng cứ hoặc hỗ trợ điều tra trên lãnh thổ của Bên yêu cầu. Người đó sẽ được thông báo về việc bảo đảm an toàn, điều kiện ăn ở, đi lại tại Bên yêu cầu, số tiền trợ cấp hoặc chi phí được hưởng. Bên được yêu cầu thông báo ngay về ý kiến của người đó cho Bên yêu cầu và nếu người đó chấp thuận thì tiến hành các bước cần thiết để thực hiện yêu cầu tương tự.

Điều 13. Quy tắc đặc biệt

1. Người có mặt trên lãnh thổ Bên yêu cầu theo yêu cầu tương tự tại Điều 11 hoặc Điều 12 Hiệp định này sẽ:

a) không bị giam giữ, truy cứu trách nhiệm hình sự, áp dụng hình phạt hay tước đoạt quyền tự do trên lãnh thổ của Bên yêu cầu, cũng không phải tham gia bất kỳ vụ kiện dân sự nào nếu vụ kiện dân sự đó không thể tiến hành khi người đó không ở trên lãnh thổ của Bên yêu cầu, đối với hành vi xảy ra trước khi người này rời lãnh thổ của Bên được yêu cầu;

b) không phải cung cấp chứng cứ hay hỗ trợ điều tra theo bất kỳ thủ tục tố tụng hình sự nào ngoài thủ tục tố tụng hình sự đã nêu trong yêu cầu tương trợ, nếu người đó không đồng ý.

2. Khoản 1 Điều này không áp dụng nếu người đó đã được tự do rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu, nhưng đã không rời khỏi trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi được thông báo chính thức là sự có mặt của người đó là không còn cần thiết nữa hoặc đã rời khỏi nhưng tự quay trở lại.

3. Người không đồng ý cung cấp chứng cứ hay hỗ trợ điều tra theo Điều 11 hoặc Điều 12 của Hiệp định này không phải chịu bất kỳ hình phạt hay biện pháp cưỡng chế nào của Bên yêu cầu hay Bên được yêu cầu .

4. Người đồng ý cung cấp chứng cứ hay hỗ trợ điều tra theo Điều 11 hoặc Điều 12 Hiệp định này sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự vì những lời khai của họ, trừ việc họ khai báo gian dối.

Điều 14. Tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội

1. Bên được yêu cầu, theo yêu cầu, sẽ xác định xem có tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội có trong phạm vi lãnh thổ của mình hay không và thông báo cho Bên yêu cầu kết quả điều tra của mình.

2. Trong trường hợp tìm thấy tài sản nghi là do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội trong lãnh thổ của mình, Bên được yêu cầu sẽ áp dụng các biện pháp mà pháp luật nước mình cho phép để quản lý hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội đó. Trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu có thể trả lại tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội cho Bên yêu cầu. Việc trả lại chỉ được thực hiện khi đã có quyết định cuối cùng đối với tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu.

3. Khi áp dụng Điều này, các quyền chính đáng của Bên được yêu cầu và bên thứ ba ngay tình có liên quan sẽ được tôn trọng và bảo vệ.

4. Vì mục đích của Hiệp định này, “Tài sản do phạm tội mà có” là bất kỳ tài sản có nguồn gốc hoặc có được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc thực hiện hành vi phạm tội; và “Công cụ, phương tiện phạm tội” là những công cụ, phương tiện đã, đang hoặc sẽ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Điều 15. Tổng đạt giấy tờ và thu thập chứng cứ thông qua viên chức ngoại giao, lãnh sự

Các Bên có thể tổng đạt giấy tờ và thu thập chứng cứ của công dân nước mình đang có mặt trên lãnh thổ của Bên kia thông qua các cơ quan ngoại giao hoặc lãnh sự của mình đặt tại Bên kia nếu không vi phạm pháp luật của Bên kia và không có biện pháp cưỡng chế nào được áp dụng.

Điều 16. Chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Các Bên có thể chuyển giao cho nhau thông tin liên quan đến các tình tiết có thể cấu

thành tội phạm thuộc quyền tài phán của Bên tiếp nhận để có thể tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự trên lãnh thổ của Bên tiếp nhận.

2. Bên tiếp nhận phải thông báo cho Bên chuyển giao về các biện pháp đã áp dụng và, nếu có thể, kết quả của các thủ tục tố tụng hình sự đã được tiến hành trên cơ sở thông tin đó bằng việc chuyển giao bản chính hoặc bản sao có chứng nhận quyết định cuối cùng.

Điều 17. Bảo mật và giới hạn sử dụng

1. Bên được yêu cầu có thể đề nghị bảo mật thông tin hay chứng cứ được cung cấp hoặc nguồn của những thông tin hay chứng cứ đó. Việc tiết lộ hoặc sử dụng phải phù hợp với pháp luật Bên được yêu cầu và được sự đồng ý bằng văn bản của Bên được yêu cầu.

2. Bên yêu cầu có thể đề nghị giữ bí mật nội dung của yêu cầu tương trợ, các tài liệu và các công việc kèm theo yêu cầu tương trợ. Nếu yêu cầu tương trợ chỉ có thể được thực hiện khi vi phạm các điều kiện về bảo mật, Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu trước khi thực hiện yêu cầu tương trợ và Bên yêu cầu sẽ quyết định thực hiện hay không thực hiện yêu cầu tương trợ cũng như giới hạn thực hiện yêu cầu.

3. Bên yêu cầu phải bảo đảm rằng thông tin hoặc chứng cứ thu thập được sẽ được bảo vệ, không để mất mát, bị tiếp cận, sử dụng, sửa đổi, tiết lộ trái phép.

4. Bên yêu cầu không được sử dụng hoặc tiết lộ thông tin hoặc chứng cứ thu thập được theo Hiệp định này vào những mục đích khác ngoài những mục đích đã nêu rõ trong yêu cầu tương trợ mà không được sự đồng ý trước của Bên được yêu cầu.

Điều 18. Bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Không ảnh hưởng đến khoản 2 Điều này, các dữ liệu cá nhân có thể được thu thập và chuyển giao chỉ khi cần thiết và phù hợp với mục đích được nêu trong yêu cầu tương trợ.

2. Dữ liệu cá nhân được chuyển giao cho một Bên như là kết quả thực hiện một yêu cầu tương trợ được lập theo Hiệp định này có thể được sử dụng bởi Bên tiếp nhận vào những mục đích sau:

- a) vì mục đích tố tụng hình sự liên quan đến yêu cầu được lập theo Hiệp định này;
- b) vì mục đích tố tụng tư pháp hay thủ tục xử phạt hành chính trực tiếp liên quan đến hoạt động tố tụng được nêu tại điểm a) của khoản này;
- c) vì mục đích ngăn cản một mối đe dọa nghiêm trọng và trực tiếp đến an ninh công cộng.

3. Các dữ liệu như vậy cũng có thể được sử dụng vì bất kỳ mục đích nào khác nếu có sự đồng ý trước của Bên chuyển giao dữ liệu.

4. Bất kỳ Bên nào cũng có thể từ chối chuyển giao dữ liệu cá nhân trong trường hợp dữ liệu cá nhân đó được bảo vệ theo quy định của pháp luật trong nước của Bên đó và việc bảo vệ dữ liệu ở cùng cấp độ không được đáp ứng bởi Bên kia.

5. Bên chuyển giao dữ liệu cá nhân có thể yêu cầu Bên tiếp nhận cung cấp thông tin về việc sử dụng dữ liệu cá nhân đó.

6. Dữ liệu cá nhân được chuyển giao theo Hiệp định này phải được xử lý và xóa theo quy định của pháp luật Bên tiếp nhận. Không cần tuân thủ giới hạn này, dữ liệu được chuyển giao phải được xóa ngay sau khi không còn cần thiết cho mục đích mà vì mục đích đó dữ liệu được chuyển giao.

7. Quy định tại Điều này không ảnh hưởng đến khả năng Bên chuyển giao dữ liệu cá nhân

áp dụng thêm các điều kiện trong những trường hợp cụ thể khi yêu cầu tương trợ không thể thực hiện được nếu không có các điều kiện này. Nếu điều kiện được áp dụng theo quy định tại khoản này, Bên tiếp nhận dữ liệu cá nhân phải xử lý dữ liệu nhận được trên cơ sở tuân thủ các điều kiện đó.

Điều 19. Chứng nhận và chứng thực

1. Văn bản yêu cầu tương trợ, các tài liệu kèm theo và tài liệu hoặc đồ vật là kết quả thực hiện một yêu cầu tương trợ không đòi hỏi bất kỳ hình thức chứng nhận hay chứng thực nào trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trong trường hợp cụ thể khi Bên được yêu cầu hoặc Bên yêu cầu đòi hỏi các tài liệu hoặc đồ vật phải được chứng thực, thì tài liệu hoặc đồ vật đó phải được chứng thực đầy đủ theo cách thức quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Tài liệu hoặc đồ vật được xác định là đã chứng thực theo Hiệp định này nếu tài liệu hoặc đồ vật đó được ký và đóng dấu chính thức bởi người và cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật của Bên gửi.

Điều 20. Đại diện và chi phí

1. Trừ trường hợp Hiệp định này quy định khác, Bên được yêu cầu sẽ đại diện cho quyền lợi của Bên yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ.

2. Bên được yêu cầu phải chịu chi phí thực hiện yêu cầu tương trợ, trừ các chi phí dưới đây do Bên yêu cầu chi trả:

a) Các chi phí gắn với việc đưa người đến hoặc đi từ lãnh thổ của Bên được yêu cầu và sinh hoạt phí, lệ phí hoặc chi phí người đó được hưởng trong thời gian có mặt trên lãnh thổ của Bên yêu cầu theo yêu cầu tương trợ quy định tại Điều 11 hoặc Điều 12 của Hiệp định này;

b) Các chi phí gắn với việc chuyên chở các nhân viên dẫn giải hoặc hộ tống;

c) Chi phí trưng cầu giám định;

d) Chi phí liên quan tới việc phiên dịch, biên dịch và sao chép tài liệu và thu thập chứng cứ bằng hình ảnh, qua cầu truyền hình hoặc các phương tiện kỹ thuật khác từ Bên được yêu cầu tới Bên yêu cầu;

e) Chi phí phát sinh từ việc chuyển giao tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội;

f) Các chi phí bất thường phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ khi Bên được yêu cầu đề nghị.

Điều 21. Mối quan hệ với các điều ước quốc tế khác

1. Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên theo bất kỳ một điều ước quốc tế nào mà các Bên là thành viên và, đối với Hung-ga-ri, các điều ước quốc tế mà Hung-ga-ri có ràng buộc với tư cách là thành viên Liên minh Châu Âu.

2. Hiệp định này không ngăn cản một Bên thực hiện tương trợ cho Bên kia theo một thỏa thuận hay điều ước quốc tế khác mà các Bên là thành viên.

Điều 22. Tham vấn

Các Bên sẽ tham vấn lẫn nhau tại thời điểm thỏa thuận nhằm nâng cao hiệu quả thi hành

Hiệp định này. Các Bên cũng có thể thỏa thuận về các biện pháp thực tế nếu thấy cần thiết để tạo điều kiện cho việc thi hành Hiệp định này.

Điều 23. Giải quyết bất đồng

Bất kì bất đồng nào trong giải thích hay áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết bằng đàm phán hoặc tham vấn ngoại giao giữa các Bên.

Điều 24. Điều khoản cuối cùng

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi (30) sau khi nhận được thông báo sau cùng bằng văn bản thông qua kênh ngoại giao, theo đó các Bên thông báo cho nhau về việc hoàn thành các thủ tục pháp lý trong nước cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định này được áp dụng đối với yêu cầu được lập sau khi Hiệp định có hiệu lực, kể cả yêu cầu có liên quan đến hành vi xảy ra trước khi Hiệp định có hiệu lực.

3. Hiệp định này có thể được sửa đổi, bổ sung khi cả hai Bên đồng ý. Trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, văn bản sửa đổi, bổ sung là một phần không thể tách rời của Hiệp định này.

4. Kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực, các Điều 76 – 78 và 96-97 của Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự ký ngày 18/01/1985 tại Hà Nội sẽ chấm dứt hiệu lực; các Điều 1 - 18 của Hiệp định đó sẽ không áp dụng đối với các hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự giữa các Bên.

5. Hiệp định này sẽ có hiệu lực không thời hạn.

6. Một Bên có thể chấm dứt Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào bằng việc thông báo bằng văn bản cho Bên kia thông qua kênh ngoại giao. Hiệp định này sẽ chấm dứt hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày nhận được thông báo.

7. Kể cả khi chấm dứt hiệu lực, Hiệp định này vẫn áp dụng đối với các yêu cầu được gửi theo Hiệp định này trước ngày chấm dứt hiệu lực.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây được Nhà nước của mình uỷ quyền hợp thức, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội, vào ngày 16 tháng 3 năm 2016 thành hai (2) bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Hung-ga-ri và tiếng Anh có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích Hiệp định này thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.